BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

QUY ĐỊNH

ĐỐI SÁNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 331 /QĐ-ĐHKTYTHD ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

MÃ SỐ	:	**QĐ04.QLCLTT**
LẦN BAN HÀNH	:	**02**
NGÀY BAN HÀNH	:	**12./.5./2025**

ISO 9001:2015

Hải Dương, năm 2025

ISO 9001:2015	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG		
	QUY ĐỊNH ĐỐI SÁNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	Mã số	QĐ04.QLCLTT
		Ngày ban hành	12../.5../2025
		Lần ban hành	02/00

THEO DÕI PHÂN PHỐI

Nơi nhận		Nơi nhận		Nơi nhận	
☒	Hội đồng trường	☒	P. Tài chính Kế toán	☒	Bệnh viện trường
☒	Ban Giám hiệu	☒	P. QLKHCN và HTQT	☒	Labo XNATTP
☒	P. Quản lý chất lượng và Thanh tra	☒	P. Công tác quản lý SV	☒	Trung tâm NC&ĐT theo nhu cầu xã hội
☒	P. Quản lý Đào tạo	☒	P. Công nghệ thông tin và Thư viện	☒	Trung tâm HLKNLS
☒	P. Tổ chức – Hành chính	☒	P. Cơ sở hạ tầng và Trang thiết bị	☒	Các khoa, bộ môn thuộc Trường

THEO DÕI SỬA ĐỔI

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

PHÊ DUYỆT

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Huy Hoàng	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phạm Thị Cẩm Hưng
Chức danh	Phó trưởng phòng QLCLTT	Trưởng phòng QLCLTT	Hiệu trưởng
Chữ ký			TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

1. MỤC ĐÍCH

- Quy định thống nhất nội dung và tiêu chí lựa chọn đối tác thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

- Quy định trình tự thực hiện hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường.

- Thu thập dữ liệu phục vụ công tác cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Văn bản này áp dụng đối với viên chức, người lao động, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHKTYTHD.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- TCVN ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu;

- Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ GDĐT ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương hiện hành.

4. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

4.1. Định nghĩa

- Chất lượng của CSGD là sự đáp ứng mục tiêu do CSGD đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

- Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh một CSGD/CTĐT với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với CSGD/CTĐT được lựa chọn.

4.2. Viết tắt

- Quy định cách viết tắt tên các Phòng/Khoa/Bộ môn/Đơn vị trực thuộc của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (ĐHKTYTHD hoặc HMTU) theo Quy định kiểm soát các tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng (QĐ01.ISO).

CTĐT	Chương trình đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục

5. NỘI DUNG

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc thực hiện việc đối sánh

1. Đối sánh được thực hiện ít nhất 01 lần trong vòng 05 năm. Trường hợp đối sánh ngoài cấp chương trình đào tạo phải được thực hiện khi xây dựng mới hoặc rà soát chương trình đào tạo.

2. Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng giáo dục hoặc CTĐT của Nhà trường là CSGD đại học hoặc CTĐT ở trong và ngoài nước, có lĩnh vực đào tạo tương đương với Nhà trường.

3. Số liệu đối sánh được lấy ở cùng thời điểm.

4. Khuyến khích lựa chọn các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn, tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Ngoài việc đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo khác, còn phải thực hiện tự đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường, chất lượng của chính chương trình đào tạo giữa các năm.

Điều 2. Đối tác thực hiện đối sánh

1. Đối tác trong nước:

- Là CSGD/CTĐT công lập, có uy tín, đã được kiểm định hoặc công nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
- Ưu tiên lựa chọn các đối tác đang đào tạo các ngành tương tự hoặc gần tương tự với Trường ĐHKTYTHD.
- Ưu tiên lựa chọn các đối tác có quy mô cán bộ, viên chức, người học và cơ sở vật chất cơ bản tương đương Trường ĐHKTYTHD.
- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Đối tác ngoài nước:

- Là các CSGD/CTĐT uy tín, đã được kiểm định hoặc công nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
- Ưu tiên lựa chọn các đối tác có quan hệ hợp tác với Trường ĐHKTYTHD.
- Ưu tiên lựa chọn các đối tác đang đào tạo các ngành tương tự hoặc gần tương tự Trường ĐHKTYTHD.
- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Chương II
HÌNH THỨC, NỘI DUNG, QUY TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 3. Hình thức đối sánh

1. Đối sánh nội bộ: Là hình thức đối sánh các chỉ số chất lượng giáo dục giữa các năm học liên tiếp hoặc giữa các CTĐT thuộc Trường ĐHKTYTHD theo định kỳ.

2. Đối sánh ngoài cấp trường: Là hình thức đối sánh các chỉ số chất lượng giáo dục của Trường ĐHKTYTHD với các CSGD trong nước hoặc ngoài nước theo định kỳ.

3. Đối sánh ngoài cấp CTĐT: Là hình thức đối sánh các chỉ số chất lượng giáo dục của CTĐT thuộc Trường ĐHKTYTHD với các CTĐT trong nước hoặc ngoài nước theo định kỳ.

Điều 4. Nội dung đối sánh nội bộ về hoạt động đào tạo của Nhà trường

1. Tuyển sinh

a) Điểm trúng tuyển của các ngành đào tạo qua các năm.

b) Tỉ lệ dự tuyển và nhập học.

2. Kết quả đào tạo

a) Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

b) Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và quá hạn (trên tổng số người nhập học); Tỉ lệ thôi học hàng năm.

c) Kết quả điểm rèn luyện của sinh viên.

d) Tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm và 03 năm sau khi tốt nghiệp.

đ) Tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành đào tạo trong vòng 01 năm và 03 năm sau khi tốt nghiệp.

3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan

a) Tỉ lệ hài lòng của người học cuối khóa về chất lượng đào tạo.

b) Tỉ lệ hài lòng của nhà tuyển dụng lao động về chất lượng người học sau tốt nghiệp.

4. Kết quả tài chính về đào tạo

a) Tổng các nguồn thu của Nhà trường và tổng nguồn thu từ dịch vụ đào tạo.

b) Tỉ lệ kinh phí chi cho các hoạt động chính của Nhà trường.

Điều 5. Nội dung đối sánh nội bộ về kết quả hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường

1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên

a) Số lượng các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ (và tương đương), cấp cơ sở.

b) Chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học.

c) Tỉ lệ giảng viên hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học theo năm học.

2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của người học

a) Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học theo từng loại hình nghiên cứu.

b) Chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học.

c) Số lượng đề tài của người học được giải thưởng cấp Quốc gia, cấp Bộ (và tương đương) và các cấp khác.

3. Công bố khoa học và xuất bản phẩm

a) Số lượng các công bố khoa học trong nước thuộc các tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng giáo sư nhà nước ban hành.

b) Số lượng các công bố khoa học quốc tế và tỉ lệ các công bố được tính điểm (có chỉ số ISI hoặc trong danh mục Scopus) trên tổng số công bố quốc tế.

c) Số lượng báo cáo hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế hoặc bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

d) Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn được xuất bản trong nước và quốc tế.

4. Kết quả tài chính của hoạt động nghiên cứu khoa học

a) Tỉ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học của giảng viên trên tổng nguồn thu của Nhà trường.

b) Tỉ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học của người học trên tổng nguồn thu học phí.

5. Kết quả hoạt động hợp tác quốc tế

a) Số lượng giảng viên, sinh viên nước ngoài đến làm việc, học tập tại Trường; số lượng giảng viên, sinh viên của Nhà trường học tập dài hạn, ngắn hạn ở nước ngoài.

b) Số lượng các thoả thuận hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học được ký kết giữa Nhà trường và đối tác nước ngoài.

Điều 6. Nội dung đối sánh nội bộ về chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường

1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng

a) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp…cho viên chức, người lao động (trong và ngoài Trường).

b) Số lượng các lớp đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn cho địa phương, cơ sở y tế, giáo dục.

c) Số lượng, kinh phí từ hợp tác và chuyển giao nghiên cứu khoa học với các đối tác;

d) Số lượng sáng kiến, giải pháp hữu ích, văn bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ được công nhận.

đ) Số lượt người tham gia các hoạt động thiện nguyện.

e) Số đợt/lượt người tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học.

2. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội

a) Tỉ lệ cán bộ, giảng viên và nhân viên (tham gia hoạt động) hài lòng đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

b) Tỉ lệ người học (tham gia hoạt động) hài lòng đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

c) Tỉ lệ hài lòng của người dân, chính quyền địa phương sau các hoạt động thiện nguyện của Nhà trường.

3. Kết quả tài chính của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

a) Tỉ lệ kinh phí chi học bổng khuyến khích học tập, miễn giảm học phí cho người học trên tổng nguồn thu từ học phí hệ chính quy.

b) Kinh phí chi hỗ trợ, phục vụ cộng đồng.

c) Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao.

Điều 7. Nội dung đối sánh ngoài cấp trường

1. Tuyển sinh các ngành đào tạo tương đương

a) Điểm trúng tuyển qua các năm.

b) Tỉ lệ dự tuyển và nhập học.

2. Kết quả đào tạo các ngành đào tạo tương đương

a) Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

b) Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và quá hạn (trên tổng số người nhập học); Tỉ lệ thôi học hàng năm.

c) Kết quả điểm rèn luyện của sinh viên.

d) Tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 06 tháng và 01 năm sau khi tốt nghiệp.

đ) Tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành đào tạo trong vòng 06 tháng và 01 năm sau khi tốt nghiệp.

e) Tỉ lệ hài lòng của nhà tuyển dụng lao động về chất lượng người học sau tốt nghiệp.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học

a) Số lượng các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ (và tương đương), cấp cơ sở của giảng viên. Số lượng đề tài NCKH của người học.

b) Số lượng đề tài được giải thưởng cấp Quốc gia, cấp Bộ (và tương đương) của người học.

c) Số lượng đề tài NCKH được chuyển giao cho các đối tác trong và ngoài cơ sở giáo dục.

d) Số lượng hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác.

đ) Số lượng sáng kiến, giải pháp hữu ích, văn bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ được công nhận.

4. Công bố khoa học và xuất bản phẩm

a) Số lượng các công bố khoa học trong nước thuộc các tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng giáo sư nhà nước ban hành.

b) Số lượng các công bố khoa học và số lượng các công bố khoa học được tính điểm quốc tế (có chỉ số ISI hoặc trong danh mục Scopus).

c) Số lượng báo cáo hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế hoặc bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

d) Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn được xuất bản trong nước và quốc tế.

5. Kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

a) Số lượng các lớp đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn cho địa phương, cơ sở y tế, giáo dục.

b) Số lượng sáng kiến, giải pháp hữu ích, văn bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ được công nhận.

c) Số lượt người tham gia các hoạt động thiện nguyện.

d) Các dịch vụ hỗ trợ người học.

đ) Số đợt/lượt người tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học.

6. Kết quả tài chính

a) Tổng nguồn thu của CSGD.

b) Nguồn thu từ hoạt động đào tạo.

c) Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học; các hoạt động dịch vụ và chuyển giao công nghệ.

d) Tỉ lệ kinh phí chi học bổng khuyến khích học tập, miễn giảm học phí cho người học trên tổng nguồn thu từ học phí hệ chính quy.

đ) Kinh phí chi hỗ trợ, phục vụ cộng đồng.

Điều 8. Nội dung đối sánh ngoài cấp chương trình đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo
2. Chuẩn đầu ra
3. Khung chương trình đào tạo
4. Thời gian đào tạo
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa
6. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Điều 9. Quy trình thực hiện đối sánh nội bộ

Bước 1: Phòng QLCLTT xây dựng kế hoạch đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường (BM01.QĐ04.QLCLTT).

Bước 2: Các đơn vị thu thập thông tin theo kế hoạch phê duyệt; phân tích, đánh giá thông tin thu thập được; đề xuất biện pháp cải tiến những nội dung tồn tại (BM02.QĐ04.QLCLTT). Toàn bộ biểu mẫu kèm file số liệu chuyển đến Phòng QLCL&TT để tổng hợp.

Bước 3: Phòng QLCLTT tổng hợp số liệu toàn Trường, phân loại và lập bảng tổng hợp các chỉ số, kèm theo kế hoạch cải tiến, trình Ban Giám hiệu phê duyệt (BM03.QĐ04.QLCLTT).

Bước 4: Các đơn vị toàn trường triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt.

Điều 10. Quy trình thực hiện đối sánh ngoài cấp trường

Bước 1: Phòng QLCLTT xây dựng kế hoạch đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường (BM01.QĐ04.QLCLTT).

Bước 2: Các đơn vị đề xuất các đối tác (trong và ngoài nước) cần đối sánh cho hoạt động của đơn vị và cách thức thu thập số liệu đối với nội dung đối chiếu.

Bước 3: Phòng QLCLTT tổng hợp đề xuất của các đơn vị, báo cáo Ban Giám hiệu xem xét quyết định đối tác.

Bước 4: Phòng QLCLTT dự thảo công văn liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài trình Lãnh đạo trường (BM04.QĐ04.QLCLTT); gửi công văn liên hệ đến các đối tác đã lựa chọn và tiếp nhận số liệu đối sánh để gửi tới các đơn vị trong Nhà trường.

Bước 5: Các đơn vị thuộc Trường thực hiện đối sánh các số liệu, phân tích và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường và đơn vị (BM05.QĐ04.QLCLTT).

Bước 6: Phòng QLCLTT tổng hợp kết quả đối sánh kèm theo kế hoạch cải tiến, trình Ban Giám hiệu phê duyệt (BM06.QĐ04.QLCLTT).

Điều 11. Quy trình thực hiện đối sánh ngoài cấp CTĐT

Bước 1: Khi xây dựng CTĐT mới hoặc tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể CTĐT, khoa/bộ môn quản lý CTĐT xây dựng kế hoạch đối sánh chất lượng CTĐT do đơn vị quản lí với các CTĐT trong và ngoài nước (BM07.QĐ04.QLCLTT).

Bước 2: Khoa/bộ môn quản lý CTĐT đề xuất các đối tác (trong và ngoài nước) cần đối sánh và cách thức thu thập số liệu đối với nội dung đối chiếu.

Bước 3: Phòng QLĐT tổng hợp đề xuất của khoa/bộ môn quản lý CTĐT, báo cáo Ban Giám hiệu xem xét quyết định đối tác.

Bước 4: Phòng QLĐT dự thảo văn bản liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài (BM08.QĐ04.QLCLTT); tiếp nhận số liệu đối sánh từ đối tác đã lựa chọn để gửi tới các khoa/bộ môn quản lý CTĐT trong Nhà trường.

Bước 5: Các khoa/bộ môn quản lý CTĐT thực hiện đối sánh các số liệu, phân tích và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT; hoàn thiện báo cáo đối sánh chất lượng CTĐT trình Ban Giám hiệu phê duyệt (BM09.QĐ04.QLCLTT).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Bảo mật số liệu

Tất cả các số liệu, tài liệu đối sánh đều phải được bảo mật và được sử dụng theo kế hoạch đã phê duyệt. Tài liệu gốc của từng đợt đối sánh được lưu giữ tại phòng QLCL&TT; file số liệu đều phải được được lưu trữ bảo mật, có mật khẩu truy cập. Các đơn vị, cá nhân không được tự ý cung cấp số liệu đối sánh cho bất cứ tổ chức cá nhân nào khi chưa có phê duyệt của Ban Giám hiệu.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai thực hiện đối sánh

1. Trách nhiệm của Phòng QLCLTT

a) Xây dựng kế hoạch đối sánh nội bộ, đối sánh ngoài cấp Trường đảm bảo các nội dung theo đúng yêu cầu.

b) Giám sát tiến độ thực hiện hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của các đơn vị trong Nhà trường và định kỳ báo cáo Ban Giám hiệu.

c) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

d) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

đ) Tổng hợp báo cáo kết quả đối sánh chất lượng các hoạt động giáo dục của Nhà trường.

2. Trách nhiệm của Phòng QLĐT

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực quản lý đào tạo theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

c) Phối hợp với các khoa/bộ môn quản lý CTĐT triển khai hoạt động đối sánh ngoài cấp CTĐT.

3. Trách nhiệm của phòng TC-HC

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực quản lý đội ngũ giảng viên, nhân viên theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

4. Trách nhiệm của phòng QLKHCN&HTQT

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực quản lý khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

5. Trách nhiệm của phòng TCKT

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực quản lý tài chính theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

6. Trách nhiệm của phòng CTQLSV

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực quản lý người học, sinh viên tốt nghiệp theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

7. Trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể.

a) Thực hiện triển khai việc đối sánh chất lượng hoạt động giáo dục của Nhà trường về lĩnh vực phục vụ cộng đồng theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

b) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

8. Trách nhiệm của các khoa/bộ môn quản lý chương trình đào tạo

a) Xây dựng kế hoạch đối sánh ngoài cấp CTĐT do đơn vị quản lý đảm bảo các nội dung theo đúng yêu cầu.

b) Thực hiện triển khai việc đối sánh ngoài cấp CTĐT tại đơn vị theo kế hoạch; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

c) Cung cấp thông tin cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ hoạt động đối sánh của Nhà trường.

d) Hoàn thành báo cáo đối sánh ngoài cấp CTĐT trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

9. Các đơn vị khác trong Nhà trường có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết để thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục theo kế hoạch đã phê duyệt.

6. BIỂU MẪU

TT	Tên biểu mẫu	Mã hiệu
1.	Kế hoạch thu thập thông tin so chuẩn, đối sánh	BM01.QĐ04.QLCLTT
2.	Phân tích các chỉ số so chuẩn, đối sánh nội bộ chất lượng giáo dục đại học	BM02.QĐ04.QLCLTT
3.	Tổng hợp các chỉ số so chuẩn, đối sánh nội bộ chất lượng giáo dục đại học	BM03.QĐ04.QLCLTT
4.	Công văn đề nghị so chuẩn, đối sánh	BM04.QĐ04.QLCLTT
5.	Phân tích các chỉ số so chuẩn, đối sánh ngoài chất lượng giáo dục đại học	BM05.QĐ04.QLCLTT
6.	Tổng hợp các chỉ số so chuẩn, đối sánh ngoài chất lượng giáo dục đại học	BM06.QĐ04.QLCLTT
7.	Kế hoạch thu thập thông tin đối sánh chất lượng chương trình đào tạo	BM07.QĐ04.QLCLTT
8.	Công văn đề nghị tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo	BM08.QĐ04.QLCLTT
9.	Báo cáo tổng hợp đối sánh ngoài chất lượng chương trình đào tạo	BM09.QĐ04.QLCLTT

7. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1.	BM01.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị liên quan	20 năm
2.	BM02.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị thực hiện	10 năm
3.	BM03.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị liên quan	20 năm
4.	BM04.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT, Văn thư Các đơn vị liên quan	20 năm
5.	BM05.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị thực hiện	20 năm
6.	BM06.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị liên quan	20 năm
7.	BM07.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị liên quan	10 năm
8.	BM08.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT, Văn thư Các đơn vị liên quan	20 năm
9.	BM09.QĐ04.QLCLTT	Phòng QLCLTT Các đơn vị liên quan	10 năm

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /KH-ĐHKTYTHD	*...., ngày.....tháng ..... năm 20.....*

KẾ HOẠCH
Thu thập thông tin đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

2. Mục tiêu

3. Nội dung, thời điểm đối sánh

4. Phân công trách nhiệm

4.1. Ban Giám hiệu

4.2. Phòng QLCL&TT

4.3. Các đơn vị khác

5. Tổ chức thực hiện

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, QLCLTT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
KHOA/PHÒNG/ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ ĐỐI SÁNH NỘI BỘ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

PHẦN 1. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH

A. HOẠT ĐỘNG .....

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

PHẦN II. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh

2. Điểm tồn tại

3. Biện pháp cải tiến

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-ĐHKTYTHD	*……, ngày tháng năm 20…*

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ ĐỐI SÁNH NỘI BỘ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

PHẦN 1. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH

A. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

B. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

C. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

D. HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

PHẦN II. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh

2. Điểm tồn tại

3. Kế hoạch cải tiến

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa, bộ môn;
- Lưu VT, QLCLTT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /ĐHKTYTHD-QLCLTT V/v cung cấp thông tin đối sánh	*....., ngày tháng .... năm 20....*

Kính gửi: ……

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đang tổ chức thực hiện đánh giá cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo theo quy định tại….

Để có dữ liệu đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kính mong Trường ……. chia sẻ các số liệu như trong các biểu mẫu kèm theo Công văn *(PHỤ LỤC)*.

Thời gian thu thập số liệu: từ năm học …. đến năm học …..

Bảng tổng hợp số liệu xin gửi về Phòng Quản lý chất lượng và Thanh traTrường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương trước ngày ……. Địa chỉ liên hệ: …… (họ và tên) – ….. (chức vụ), Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Số 01 Vũ Hựu, …….. (SĐT liên hệ: …..).

Nhà trường xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, QLCLTT.	**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
KHOA/PHÒNG/ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20...

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ ĐỐI SÁNH NGOÀI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC

PHẦN 1. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH HOẠT ĐỘNG .....

TT	Nội dung	Trường ĐHKTYTHD			Trường		
1.							
2.							
3.							

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những nội dung tương đồng hoặc khác biệt khi đối sánh các chỉ số với các cơ sở giáo dục khác;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt nội dung đối sánh.

PHẦN II. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh

2. Điểm tồn tại

3. Kế hoạch cải tiến

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị;
- Lưu VT, QLCLTT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên)

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-ĐHKTYTHD	*....., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ ĐỐI SÁNH NGOÀI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

PHẦN 1. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH

A. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

B. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

C. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

D. HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Đối sánh theo thời gian

TT	Nội dung	Năm		
1.				
2.				
3.				

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Xu hướng tăng giảm các chỉ số chất lượng giáo dục đại học qua các năm;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tăng, giảm các chỉ số.

2. Đối sánh giữa các chương trình đào tạo

TT	Nội dung	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...	CTĐT...
1.					
2.					
3.					

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những điểm tương đồng hoặc khác biệt về chỉ số hoạt động giữa các CTĐT.

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt chỉ số đối sánh.

PHẦN II. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh

2. Điểm tồn tại

3. Kế hoạch cải tiến

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, QLCLTT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-ĐHKTYTHD	*...., ngày tháng năm 20....*

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ ĐỐI SÁNH NGOÀI
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC

PHẦN 1. KẾT QUẢ ĐỐI SÁNH

A. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Trường ĐHKTYT HD			Trường		
1.							
2.							
3.							

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những nội dung tương đồng hoặc khác biệt khi đối sánh với các chỉ số của cơ sở giáo dục khác;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt nội dung đối sánh.

B. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

TT	Nội dung	Trường ĐHKTYT HD			Trường		
1.							
2.							
3.							

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những nội dung tương đồng hoặc khác biệt khi đối sánh với các chỉ số của cơ sở giáo dục khác;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt nội dung đối sánh.

C. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

TT	Nội dung	Trường ĐHKTYT HD			Trường		
1.							
2.							
3.							

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những nội dung tương đồng hoặc khác biệt khi đối sánh với các chỉ số của cơ sở giáo dục khác;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt nội dung đối sánh.

D. HOẠT ĐỘNG KHÁC

TT	Nội dung	Trường ĐHKTYT HD			Trường		
1.							
2.							
3.							

Nhận xét/Phân tích: (Gợi ý)

- Những nội dung tương đồng hoặc khác biệt khi đối sánh với các chỉ số của cơ sở giáo dục khác;

- Mức độ đạt được khi đối sánh với các chỉ số tại bộ tiêu chuẩn;

- Nguyên nhân của sự tương đồng hoặc khác biệt nội dung đối sánh.

PHẦN II. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh

2. Điểm tồn tại

3. Kế hoạch cải tiến

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, QLCLTT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng ..... năm 20.....

KẾ HOẠCH
Thu thập thông tin đối sánh chất lượng chương trình đào tạo...

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Các văn bản của Bộ GDĐT
- Các văn bản của Trường, đơn vị

2. Mục tiêu

3. Nội dung đối sánh

Gợi ý: *mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình dạy học...*

4. Đối tác đối sánh

5. Kế hoạch thực hiện cụ thể

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người thực hiện	Người phối hợp
Từ .... đến....			
Từ .... đến....			
Từ .... đến....			
Từ .... đến....			
Từ .... đến....			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu QLĐT, Khoa...

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /ĐHKTYTHD-QLĐT V/v tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo ngành…	*....., ngày tháng .... năm 20....*

Kính gửi: ……

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đang tổ chức xây dựng/rà soát chương trình đào tạo ngành … theo quy định tại….

Để tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo cùng ngành, kính mong Trường ……. chia sẻ các thông tin, số liệu như trong các biểu mẫu kèm theo Công văn *(PHỤ LỤC).*

Thời gian thu thập số liệu: từ năm học …. đến năm học …..

Bảng tổng hợp thông tin, số liệu xin gửi về Phòng …… trước ngày …….. Địa chỉ liên hệ: …… (họ và tên) – ……(chức vụ), Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Số 01 Vũ Hựu, …. (SĐT liên hệ: …..).

Nhà trường xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - Lưu: VT, QLĐT.	**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRÌNH
Về kết quả thực hiện đối sánh chương trình đào tạo .....

Kính gửi: .....

1. Tóm tắt nội dung trình

Thực hiện Kế hoạch đối sánh chương trình đào tạo ngày ....., Khoa/ bộ môn ..... đã tiến hành đối sánh chương trình đào tạo ..... với chương trình đào tạo ..... của .....

Kết quả thực hiện: Khoa/bộ môn đã tổng hợp kết quả thực hiện đối sánh và các giải pháp nhằm cải tiến chương trình đào tạo ..... *(Có báo cáo kèm theo)*.

Khoa/bộ môn kính trình ..... xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

Ngày tháng năm 2025
TRƯỞNG ĐƠN VỊ

2. Phần xử lý của Lãnh đạo Trường

2.1. Ý kiến của Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo

.....
.....
.....

2.2. Ý kiến của Hiệu trưởng

.....
.....
.....

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
KHOA/BỘ MÔN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỐI SÁNH CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

- Giới thiệu khái quát về CTĐT được lựa chọn để đối sánh.
- Phạm vi đối sánh: *(Gợi ý: mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình dạy học...)*

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỐI SÁNH

1. Điểm giống nhau

.....

.....

2. Điểm khác nhau

.....

.....

III. GIẢI PHÁP CẢI TIẾN

.....

.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên)